

Trung Giang Ký Sự – kỳ 15

Hành Vân

Ngày ở Cái Côn, sau khi đã trao đổi một số việc, tôi lại đề nghị bác Trí Phước:

– Bây giờ, xin bác cho sư biết những câu chuyện về sự mâu nhiệm của Tổ sư. Những câu chuyện này sư cũng sưu tầm nữa, để đưa nó từ thể loại văn truyền miệng dân gian thành văn bản phổ biến.

Bác Trí Phước kể:

– Nói về sự mâu nhiệm của Tổ sư, thì hồi nhỏ ngài qua Miên ở với ông Keo, sau đó về lại Việt Nam có vợ, vợ và con mất nên ngài đi xuất gia. Khi xuất gia, ngài ra Mũi Nai nhập định, thấy cảnh sóng nước nhấp nhô, những con thuyền trôi lên hụp xuống... ngài mới ngộ được trí huệ Thuyền Bát-nhã.

– Chuyện này do ngài kể lại hay là sao?

– Do ngài thuyết lần đầu tiên, mấy sư lớn kể lại. Thành đạo rồi ngài về chào ông thân sinh, ngài nói: “Lâu nay xa ông cụ đi tu, bây giờ tôi đắc đạo rồi!”. Ông cụ cười hỏi: “Đắc đạo là cái gì?”. Ông cụ không biết, ngài cũng không nói gì thêm, nhưng ban đêm ngài ngồi thiền chỗ nào thì ánh sáng rực nơi đó.

– Có phải đây là lời ông cụ Nguyễn Tồn Hiếu kể không, bác?

– Đúng rồi, ông cụ kể.

– Bác có gặp à?

– Có, có gặp. Ông cụ râu dài, tướng tốt. Rồi Tôn sư lên chỗ bây giờ là Tịnh xá Ngọc Viên đó ngài ngồi thiền, người ta thấy hào quang sáng chói mới kính mộ cất tịnh xá cho ngài, từ đó mở dần thêm.

Khi ngài làm tịnh xá chỗ nào cũng trồng cây bả đậu. Ngài nói cây này có bóng mát mà không quyến rũ con nít leo, không có ồn ào.

Tôi phụ họa:

– Nó có gai không à.

– Đúng rồi, mà trái nó ăn cũng không được, ăn thì sỗ. Ngài trồng khắp các tịnh xá, tới Bạc Liêu, Tịnh xá Ngọc Liên, ngài hỏi chư Tăng: “Mấy ông biết cây này là cây gì không?”. Quý sư trả lời: “Đó là cây bả đậu.”. Ngài nói: “Không phải, cây này là cây đông Tây. Tôi trồng giáp 21 tịnh xá là Tây đông hết!”.

Bác Trí Phước bật cười tự hào, nói tiếp:

– Mà đúng vậy, tới năm 1954 Tây đông hết. Cho nên sự tiên tri của ngài ngộ lắm.

Tôi hỏi lại chuyện Mũi Nai:

– Chuyện Mũi Nai ngài thuyết khi nào, bác?

– Ngài thuật lại chỗ tham thiền ngộ lý Bát-nhã đó. Các sư hồi trước theo ngài thuật lại trò nghe.

Bác kể tiếp:

– Lúc mới về làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho, ngài nhập thất thấy ba chữ Minh Đăng Quang hiện trên bàn thờ. Đây cũng là các sư thuật lại, nói ngài cứu thế độ đời mà chưa có pháp danh, nên Phật cho ngài pháp danh là Minh Đăng Quang.

– Ở Linh Bửu?

– Phải, ở Linh Bửu Tự. Rồi ngài đi hành đạo các nơi, mấy nhà trí thức, nhà giáo... theo vãn đạo ngài đều giải thông suốt hết. Cụ thể như sư cụ Giác Thủy là một giáo viên trào Pháp, nghe ngài thuyết pháp, ông theo hỏi sáu, bảy ngày, cuối cùng xuất gia luôn.

– Năm xuất gia cụ Giác Thủy lớn tuổi không?

– Chắc cỡ 80. Rồi khi Tôn sư qua Cần Thơ, độ cơm xong ngài giục hột măng cầu ra ngoài đất. Sau nó lên cây, mới tám lá được một trái bầy lớn.

Bác đưa bàn tay ra làm cỡ trái măng cầu bình thường. Tôi hỏi:

– Chỉ có tám lá thôi?

– Tám lá!

– Ở tỉnh xá nào, bác?

– Ở Ngọc Liên, chỗ sư cô ở bây giờ. Rồi ngài về Thành phố, ở đình Cây Gõ. Lúc ăn nhãn, ngài lấy hột nhét vô kẽ đất, ít tháng sau nó lên cao cỡ này (*bác đưa tay ra dấu cao cỡ sáu tấc*) đã trở bông, ra một chùm độ mười mấy trái. Ngài cầm chùm trái nói: “Giáo hội của tôi sau được bao nhiêu đây!”.

– Ít vậy, bác?

– Ngài cũng thường nói: “Giáo hội của tôi được 12 ông rưởi à!”. Ngày xưa Phật Thích-ca có 1250 vị A-la-hán theo hầu, còn ngài có 12 ông rưởi à!

Khi giảng đạo đã mệt, ngài về từ giả Phật tử Cần Thơ: “Tôi hoảng hóa mấy năm đã mệt mỏi rồi, tôi tính đi tu tịnh một thời gian.”. Phật tử thưa: “Đại đức đi rồi ai giáo hóa chúng con?”. Ngài đáp: “Đâu được, con ngựa đang đứng đợi tôi kìa!”. Nói trước vậy rồi bước qua năm Ngõ ngài đi đó!

Tôi “À” một tiếng ngạc nhiên, hỏi:

– Phật tử kể cho bác nghe à?

– Mấy bà kể lại. Hồi đó đi Cần Thơ phải qua bến bắc của Sáu Thanh, sư có biết không?

– Dạ không.

– Ngài đi ngang nói: “Sau này tổng thống Ngô Đình Diệm về đây rồi cái cồn này không còn nữa, cái kinh đi xuôi bến bắc này cũng liền luôn.”. Lúc đó có ai để ý gì hung, vì ông Ngô Đình Diệm còn ở đâu bên tận La-mã, ai mà biết. Thời gian sau khi ngài vắng bóng, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về làm tổng thống,

ông mới cho thổi liền dòng kinh đó luôn. Lúc đó người ta mới thấy lời ngài nói hay.

Rồi một cái nữa là lúc ở Dầu Tiếng, trai Tăng tại nhà một Phật tử. Bữa đó trời mưa, Phật tử để thau nước cho mỗi sư đi qua rửa chân. Ngài đi trước không rửa gì hết, vào nhà ngồi xếp chân kiết già, hai bàn chân lật lên đỏ tươi không dính chút đất!



Thương đời mù mịt tối đen
Hóa thân làm một ngọn đèn sáng trưng!

Tôi thốt lên:

– Hay! Lâu chưa, hồi đó năm nào?

– Phật tử kể cho trò biết chớ đâu nói năm nào... Lại có bà cố nhập xác lên, bả vào khóc ròng lạy ngài nói: “Con hồi nào tới giờ làm ác quá trời, bẻ cổ, vụn họng đủ thứ... Bây giờ có Phật ra đời, không biết con phải làm sao cho hết cái tội của con?”. Ngài nói: “Thôi, bây giờ bà quy y Tam Bảo tu đi, bao nhiêu nghiệp tội tôi chịu hết cho.”. Bà mừng quá, xin được quy y, ngài liền truyền giới cho. Lúc đi ra, thấy dài dài có cốt Phật bằng đá, bằng xi-măng, bà cố nói: “Cái này không phải Phật đâu, ông ngồi trên kia mới là Phật đó!”. Nói rồi bà đưa hai tay lên mà thề.

– Vậy ha?

– Dạ. Một chuyện nữa, sư coi, đu đủ đâu phải cây nào mình trồng cũng được hết, chỉ vài cây thôi chớ. Hồi đó ngài cấm trồng cây ăn trái trong tịnh xá, thứ nhất cho con nít khỏi phá, thứ hai cho mấy sư khỏi móng vọng. Nên bông kiểng đẹp ngài cũng không cho trồng. Bữa đó mấy bà Phật tử đem đu đủ trồng giáp hết, ngài nói: “Thôi, mấy bà trồng làm chi, nữa rồi nó được hết à.”. Mà sau quả thiệt vậy!

– Thì ngài đã không muốn nó có trái mà.

– Lúc ngài đi Bạc Liêu, ở đó có hai tỳ-kheo là sư Giác Trí với sư Giác Bảo. Hai sư này cũng lớn, thuộc lớp trước. Ở đó, sư Giác Bảo thường thuyết sấm giảng của Hòa Hảo, người ta theo rần rần. Ngài ở xa biết, nên khi về Bạc Liêu ngài hỏi sư: “Ông Bảo à, ở đây người ta theo đông lắm hả?”. Sư Giác Bảo đáp: “Bạch đại đức, ở đây người ta quy hướng theo đông.”. Ngài hỏi tiếp: “Ông đem giáo lý Hòa Hảo dạy người ta phải không?”. Sư Giác Bảo sợ, chối: “Bạch đại đức, con không có!”. Tôn sư liền chỉ dưới gầm tủ, bảo chú tiểu đi theo bò vào lấy ra quyển sấm giảng, sư Giác Bảo hết chối. Vì chuyện đó ngài mới khiển trách và cho sư Giác Bảo ra riêng.

– Như vậy lý do cho sư Giác Bảo ra riêng là vì sư theo Hòa Hảo?

– Mô Phật. Sư trưởng lão Giác Tánh lúc trước có quy y với một hòa thượng bên chùa. Lúc sắp tịch, hòa thượng đã căn dặn ngài Tánh: “Thầy tịch rồi, sau này ngài Minh Đăng Quang ra đời thì con cố gắng theo ngài mà tu.”. Ngài ghi nhớ lời thầy dạy. Đến đêm trước ngày gặp Tôn sư, thầy của ngài Tánh cũng về báo mộng cho hay ngài Minh Đăng Quang đã lập đạo rồi. Hôm sau gặp Tôn sư, hai vợ chồng mới xả bỏ tất cả đi xuất gia, ông theo bên nam được pháp danh Giác Tánh, bà theo bên nữ được pháp danh Chơn Liên đó.

Còn trò, 17 tuổi đã ăn chay trường, mong xuất gia lắm mà mắc cỡ không dám nói ra. Bữa đó trò theo cha vô Phụng Hiệp, đêm nghỉ ở dưới ghe chờ sáng lên đánh lễ Tôn sư mà lòng trò ào ạt lắm. Sáng ra, cha với trò lên gặp ngài. Cha đi trước, ngài nói: “Ông Hồng Phước ơi, ông cho trò nhỏ đó đi tu đi!”. Nghe ngài nói ra dùm cái ý của mình trò phấn khởi lắm. Sau, đến qua tết trò được xuất gia.

Sư cụ Giác Thủy là một thầy giáo thời Pháp, vốn cũng là dân lỗi lạc. Khi còn tìm hiểu đạo, ông cụ đã từng theo hỏi Tôn sư: “Nhân chi sơ tánh bản thiện phải chăng?”. Ngài đáp: “Không phải, nhân chi sơ tánh bản ác! Nếu đứa bé thiện sao lại hành hạ mẹ, bú sữa, rúc máu của mẹ?”. Rồi ngài khuyên ông cụ nên xem kinh sách, ông lấy một câu Nho đáp: “Tâm hành từ thiện, hà tu nỗ lực khán kinh?”. Ngài mới chỉnh: “Câu đó phải nói vậy nè: Tâm hành từ thiện hà, tu nỗ lực khán kinh!”, nghĩa là: “Tâm hành từ thiện hả? Nên nỗ lực xem kinh!”.

Tôi bật cười, bác Trí Phước cũng cười, nói tiếp: “Chúng vỗ tay rốp rốp. Chỉ đổi một cái dấu mà thành nghĩa khác hẳn. Biện tài của Tổ sư là như vậy đó!”.

Tôi hỏi vấn đề khác:

– Xin hỏi thăm bác, năm 1954 Phật giáo Khất Sĩ đã xảy ra một sự kiện trọng đại, thế năm đó Tăng đoàn có tổ chức Tự tứ không?

Bác đáp liền:

– Mô Phật, có chứ, năm đó có nhóm Tăng.

– Rồi có tổ chức truyền giới không?

– Lâu quá trò không nhớ.

– Chớ theo sư biết thì ba ngài Giác An, Giác Nhiên và Giác Lý thọ giới Tỳ-kheo năm 1955, hơn một năm sau khi Tổ sư vắng bóng. Vậy mà ba vị đã thành lập được ba đoàn III, IV, V bây giờ đó.

– Hồi trò về vẫn còn chung một đoàn.

– Dạ. Lúc đó bên Ni giới thì sao?

– Bên Ni do sư cô Huỳnh Liên lãnh đạo. Mà sư cô Huỳnh Liên tự ý bỏ Tăng đoàn, thành lập riêng Ni giới.

– Dạ, Tổ sư Minh Đăng Quang đâu cho phép làm thế. Mà khi còn Tổ sư thì sao?

– Hồi còn Tổ, ngài cũng quở hoài chớ, nhưng điểm chính ngài lo xây dựng bên Tăng-già nhiều hơn. Ngài nói: “Đời muốn được an thì phải do đạo. Muốn lập đạo cho đời thì phải xây dựng Giáo hội Tăng-già trước.”.

Tôi thấy bác Trí Phước đã dùng từ “Tăng-già” ở nghĩa hẹp rồi. Thật ra, từ “Tăng-già” nghĩa là “đoàn thể hòa hiệp”, chỉ chung cho cả nam, nữ khất sĩ; nên Giáo hội Tăng-già đâu phải chỉ riêng bên nam. Còn các từ “Tăng”, “Ni” là những từ ngày nay dùng để chỉ cho giới nam hay nữ tu sĩ Phật giáo. Trong cách dùng từ đó, “Ni” chỉ cho nữ là đúng từ, đem “Tăng” chỉ cho nam thì chỉ tạm dùng, cái tạm dùng này làm cho nhiều người hiểu lầm rằng Tăng-già là riêng bên nam.

Bác Trí Phước nói tiếp:

– Cô Huỳnh ỷ tài tách riêng, vượt mặt Tăng.

Tôi nhận xét:

– Sư có nghe nói là ba vị sư lớn của mình trình độ không cao: ngài Giác Như không biết chữ, hai ngài Giác Tánh và Giác Chánh cũng không học nhiều. Nhưng các vị kế dưới thì đâu có kém, tú tài, thầy giáo, thầy lại... đều có. Cho nên cái tài của sư cô Huỳnh Liên là biệt tài, cũng như bác vậy, không phải do học cao hay thấp.



Sư cô Huỳnh Liên ngồi giữa

Đang cao hứng, bác Trí Phước lại tâm tình về quãng đời làm khát sĩ:

– Kể về khát sĩ thôi vui lắm, lúc hành đạo thời chánh pháp mặc dù không tiền không của, đầu đội trời chân đạp đất mà vui! Trò viết thi văn một tú mà ít có ần hành. Lúc trò mới về quê có làm một bài thơ, để trò đọc sư nghe:

Về quê hương ngắm đời càng thêm tủi
Cảnh giới người dong ruổi khác thời xưa
Hồi ra đi cây lá chỉ lưa thưa
Nay trở lại um tùm cảnh giao nhánh.

Nhìn quyền thuộc chung quanh cùng bá tánh
Kẻ lão thành mờ quạnh đã lần ra
Người lớn lên đang hiện sắc thân già
Còn trẻ nhỏ hôm qua đã kết tóc.

Đứa chưa có ngày nay vang tiếng khóc
Cảnh giới người lặn mọc mãi vẫn xoay
Nhớ mới đây chỉ cách sáu năm dài
Mà chốn cũ xem qua dường chẳng phải.

Ôi! Cuộc thế mau như luồng nước chảy
Nhớ hồi đi mười bảy bỗng hăm ba
Tắm thân non lần lượt trở nên già
Người cố hữu trông qua đều chẳng biết.

Nay nghĩ đến nơi lòng càng tha thiết
Cảnh vô thường dị diệt mấy người hay
Vì ra vào quen mắt với quen tai
Nên nghe thấy cảnh ngoài dường chẳng đổi.

Bởi mê chấp nên gây nhiều tội lỗi
Lo cho mình rồi nổi một đoàn con
Tưởng trần gian vạn vật mãi hằng còn
Nào nghĩ đến biển, non đều chuyển dịch.

Lòng tham ái nhòa lên hồn tĩnh mịch
Nào rõ nguồn, mục kích tử cùng sanh
Từ thôn quê héo lánh đến đô thành
Đồng chen lẫn lợi danh làm cội gốc

Lo đến đổi trên đầu hai thứ tóc
Mà vẫn còn cười, khóc có rồi đâu
Vì tham mê nên phải chịu đau sầu
Rồi ức kiếp chìm sâu trong biển khổ!

Nay khuyên gấp người người cần tỏ ngộ
Sống cuộc đời ban bố tấm lòng nhân
Hầu khi sanh lúc tử vững tinh thần
Và cứu cánh tâm thân thành chánh giác.

Lời cảm niệm khi về nơi tĩnh hạt
Vậy đến đây xin gác bút cùng nghiên

Trước giờ đi xin kiếu khắp chư hiền
Đường giải thoát vô biên đà cất bước...

Dứt tiếng đọc, bác nói luôn:

– Bài thơ này trò làm lúc về quê năm đầu.

Lúc đó sư Giác Hội vừa từ già hạnh khát sĩ, lại thêm thân đang đau bệnh, chắc là chàng trai trẻ có rất nhiều cảm xúc... Tôi hỏi:

– Quê bác ở đâu?

– Tại đây, mà ở dưới ngọn.

– Ngọn là đâu?

– Là cùng con kinh này, cách vài ba cây số.

– Nó khác vằm hả bác?

– Khác chớ, vằm là chỗ nước vô.

– A, bây giờ sư mới biết: vằm là cửa, ngọn lại là đuôi, ha ha...

Bác bắt vô luôn:

– Còn một cái kỳ nữa mà Tôn sư nói mới hay. Bữa đó ngài thuyết pháp ở Ngọc Trung, bọn lính Hòa Hảo cầm súng tới hỏi: “Bây giờ tôi hỏi ông hai câu, nêu ông không nói được là tôi lấy cò!”. Ngài đáp: “Các ông cứ hỏi, cái nào tôi giảng được thì giảng.”. Lính hỏi: “Con gì buổi sáng đi bốn chân, buổi trưa đi hai chân, tới chiều đi ba chân? Còn câu thứ hai là tại sao cây cầu bên nào cũng là đầu cầu, còn đuôi nó ở đâu?”. Tôn sư đáp: “Tôi là người tu, tôi nói theo Phật pháp độ đời chớ không nói theo người thế. Cái con ông hỏi là con người giác ngộ, buổi đầu tu hạnh Thanh Văn là tu Tứ diệu đề giống như đi bốn chân...”

Vừa nói tới đó, cả người kể và người nghe đã cùng bật cười lớn, vì câu đó này tuy khó nhưng đa số mọi người đã biết lời giải hết rồi, nay Tổ sư lại trả lời theo cách mới. Bác Trí Phước hỉ hả nói tiếp:

– Tới trưa, người này là bậc Duyên Giác tu theo pháp tương đối vô thường – hữu thường, sanh – diệt... là đi hai chân. Đến chiều, người này là bậc Bồ-tát hành đạo vừa thượng – trung – hạ vừa bên này – bên kia – chính giữa... ba thừa đi hết là đi ba giò!

– Hay lắm, bác!

– Câu hai, ngài trả lời: “Muốn giải quyết vấn đề gì mà bỏ mình ra thì không được, phải có mình trong đó. Lúc mình bước lên cầu, chỗ đó là đầu cầu của mình. Lúc mình bước xuống cầu, chỗ đó là đuôi cầu của mình. Ai đi qua cũng vậy thôi.”.

Sau khi ngài Huỳnh Phú Sổ bị giết vào năm 1947, trong Phật giáo Hòa Hảo đã phát sinh bốn nhóm quân đội là nhóm Hai Ngoán (*Lâm Thành Nguyên*), Ba Ngộ (*Nguyễn Giác Ngộ*), Ba Cụt (*Lê Quang Vinh*) và Năm Lửa (*Trần Văn Soái*) cát cứ ở các vùng của miền Tây Nam Bộ. Đến thời của Ngô Đình Diệm làm Đệ nhất Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, bốn nhóm này đã lần lượt đầu hàng hoặc bị tiêu diệt. Khi ngài Huỳnh giáo chủ còn, dân Nam Bộ đa số tín

ngưỡng theo những phép mầu và trí tuệ của ngài. Đến khi đức Tổ sư Minh Đăng Quang ra lập đạo, cũng nhằm lúc ngài Giáo chủ của Phật giáo Hòa Hảo vừa vắng bóng, đa số dân Nam Bộ lại tín ngưỡng theo những thần thông và trí tuệ của Tổ sư. Do đó một số lính Hòa Hảo đã tỏ thái độ không ưa thích Tổ sư Minh Đăng Quang, chuyện này không lạ. Khách quan thì ta thấy rằng trong thời buổi mọi tư tưởng đều đang nở rộ, thế nào mà không có sự vấn đáp bắt bẻ nhau. Nên tôi nhận xét:

– Hồi đó bác ra Trung cũng vậy, thế nào mà không bị các giới trí thức chất vấn!

Bác đáp liền:

– Dữ lắm! Mấy ông nói mình Tiểu thừa, trò đem *Kinh Kim Cang* ra chứng minh: “Đức Phật trong *Kinh Kim Cang* là Tiểu thừa hay Đại thừa?”, họ phải công nhận giá trị của *Kinh Kim Cang*. Trò tụng: “Nhu thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ-kheo Tăng thiên nhị bá ngũ thập nhân. Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời trước y trì bát nhập Xá-vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bồn xứ phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc, dĩ phu tòa nhi tọa. Nhĩ thời, trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi...”

Bác Trí Phước đọc vanh vách đoạn mở đầu *Kinh Kim Cang*, đoạn này mô tả cảnh đức Phật đi khát thực ở thành Xá-vệ rồi về thọ trai, thọ trai xong thuyết bài pháp Trí tuệ Kim cang cho tôn giả Tu-bồ-đề và chúng Tỳ-kheo nghe... Tôi hỏi thăm:

– Hồi đó bác tự học kinh hay có ai dạy không?

– Trò tự xem học. Buổi đầu ở tại gia trò xem *Kinh Pháp Hoa*, những chú thích của nó trò ghi ra học hết: Tứ đại, Ngũ uẩn, Lục căn, Lục trần, Lục thức, Thập nhị nhân duyên, Bát chánh đạo, Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần... Trò cũng có nghiên cứu *Từ Bi Âm*, *Đuốc Tuệ*, *Viên Âm* nữa... Thành ra trò đi các nơi thuyết giảng Phật tử chịu lắm. Như Pháp sư chuyên về *Chơn Lý* hơn, không như trò.

Nghe nói bác đã từng họa thơ bài *Một Chữ Như*, tôi hỏi:

– Bác còn nhớ bài kệ *Một Chữ Như* của hòa thượng Phước Hậu ở Huệ không?

– À, Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu cũng không dư
Năm nay tính lại chừng quên hết
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như!

Hồi đó trò tu ở Ngọc Viên, có một đạo hữu đến đưa bài này ra hỏi, trò không biết bài của ai nhưng có họa lại một bài cho vị đó nghe:

Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Nào ai tường lắm gọi rằng dư?
Tu chưa mà gọi là quên hết?
Chứng đặng quả gì lại chấp Như?

Vị đó nghe rồi thôi không chất vấn gì nữa. Đến khi trò về thế, mấy quyển ghi chép pháp số của trò sư Giác Huệ xin lại hết. Bây giờ trò quên Giới bốn cách đây mấy năm còn thuộc lâu. Thỉnh thoảng khi ngủ trò vẫn còn mơ thấy mình đáp y đi nữa!

Bác Trí Phước có phước trí hơn người, bác ghi nhớ tốt, hiểu được kinh sách, giải nói thông và đặc biệt là làm thơ đạo hay, có hồn. Bác từ già hạnh khất sĩ đã trên 50 năm mà chỉ mới quên *Giới Bốn Tăng* cách đây vài năm thì thật hiếm có. Bây giờ tuổi già xé bóng mà khi ngủ bác vẫn còn mộng thấy mình làm nhà sư nữa! Cầu chúc cho bác được thành tựu ước nguyện làm một nhà sư chân chính trọn đời. Như nay với tuổi đời đã 75, vào giáo hội không tiện, nếu muốn tạo duyên cho đời sau thì bác có thể cắt cái cốc trong vườn nhà để tịnh tu và xin ơn trên Tam Bảo chứng minh cho được đáp y Sa-di. Không biết bác có chịu không?

Thấy bác cũng đã hơi mệt, giọng nói đã yếu hơn, tôi tranh thủ hỏi chuyện khác:

– Bác kể giai thoại Tổ nói lái “vông Tây” thành “Tây đông” đó, mà bác có nhớ tên 21 tịnh xá không?

– Trò không nhớ hết. Ngọc Viên – Vĩnh Long, Ngọc Quang – Sa-đéc, Ngọc Vân – Trà Vinh, Ngọc Long – Long Xuyên...

Tôi cũng phụ đếm thêm: Ngọc Trung – Thốt-nốt, Ngọc Minh – Cần Thơ, Ngọc Phước – Phụng Hiệp (*nay là Ngọc Hiệp*), Ngọc Khánh – Sóc Trăng, Ngọc Liên – Bạc Liêu, Ngọc Hải – Rạch Giá, Ngọc Chánh – Sài Gòn, Ngọc Thanh – Tây Ninh, Ngọc Thành – Tân An, Ngọc Bửu – Biên Hòa, Mộc Chơn – Phú Mỹ... mà không cách nào đếm đủ.

Bác lại kể:

– Chuyện vắng bóng của ngài cũng có nhiều bí ẩn. Ông đội coi cái cát-sô nhốt ngài, sau khi Hòa Hảo gây đổ hình như ông về bên Ba Càng ở. Về quê, ông có thuật lại cho mọi người nghe chuyện ngài Minh Đăng Quang biến mất. Ông kể: Hồi nhốt ông sư đó, sáng ra mở cửa cát-sô xem thấy ngài đã biến mất.

– Chỉ có một đêm đã biến mất hả bác?

– Chỉ một đêm. Mọi người vô cát-sô thấy có một chiếc đĩa.

– Tại sao lại là một chiếc đĩa? **Đó là vật mà Năm Lửa bắt được ư?**

– Thì ông kể lại vậy, mình đâu có biết. Nhưng từ đó về sau ông ăn chay trường luôn. Cho nên Tổ chết hay sống không ai biết được, bây giờ đâu có nơi nào thắp hương chỗ bàn thờ Tổ.

Hồi đó có ông Giác Hành, người Việt lai Miên, xuất gia theo Tổ mà chỉ làm công quả chứ chưa đáp y. Khi ra miền ngoài thấy một, hai tịnh xá có thắp hương cúng Tôn sư, ông đem liệng hết, nói: “Sao biết ngài chết mà thắp hương?”. Chuyện này trò nghĩ sao cũng được, hương chỉ là mùi hương cúng dường, đâu kể sống hay chết. Nhưng người Việt mình có thói quen phải chết mới cúng hương. Khi Phật sanh tiền, cũng có đốt trầm hương để khử trừ lưu

thanh vậy. Thật ra cúng Phật phải dùng năm món tâm hương chứ đâu dùng cây hương vật chất đó.

– Đúng vậy, cây hương chỉ là hình thức tập cho tâm thôi.



Nơi bàn thờ đức Tổ sư Minh Đăng Quang không có thắp hương.

Về vấn đề thắp hương này, cách đây mấy ngày hòa thượng Giác Tường có nói với tôi là khi Tổ sư trăm tuổi thì Giáo hội sẽ thắp hương cúng ngài, vì “Nhân sanh bách tuế dị kỳ”... Theo tôi thì cứ để vậy luôn đi, bậc đã vượt ra ngoài sống – chết đâu cần ai cúng kiếng rườm rà gì. Tổ sư Minh Đăng Quang năm 1954 vắng bóng, 58 năm qua không thắp hương đã thành một nét đẹp rồi, thay đổi theo thói đời làm chi nữa! “Nhân sanh bách tuế dị kỳ” là câu trích trong sách *Minh Tâm Bửu Giám*, đâu phải là lời dạy trong *Chơn Lý* của Tổ mà kể.

Tôi bắt chuyện:

– Trông bác khỏe hơn sư cụ Giác Tôn.

– Sư Giác Tôn còn sống à? Vậy mà nghe sư đã tịch rồi. Hồi trò mở đạo ở Nha Trang sư có đi xe dẫn đoàn ghé thăm trò.

– Bữa sư có nghe đại đức Giác Tôn kể. Đại đức nói hồi đó hăng hái lắm, một thời oanh liệt đem tuổi trẻ phục vụ cho đạo pháp!

– Mô Phật

Đời tuổi trẻ vừa lên mười tám
Mến đường tu lãnh đạm thanh bần
Công danh phú quý không cần
Gác mình ra khỏi bụi trần lắm nhơ...

Bài *Quan Niệm Xuất Gia* của trò đó, sư.

– Có đạo vị lắm, bác. Tám người bị bắt ở Cái Vồn hồi xưa bây giờ chỉ còn cụ Tôn. Ông Giác Duyên mới mất cách đây hơn nửa năm.

– Dạ. Còn ông Giác Giới là anh Tư của vợ trò. Anh Ba của vợ trò cũng theo Tổ xuất gia ít tháng, pháp danh là Giác Viên. Có một đứa em thứ Tám cũng

xuất gia theo Tổ, pháp danh Huệ Pháp, sau ra làm thiếu úy Ngụy, bây giờ tu tại gia bên Úc.

Hồi được thả khỏi Cái Vồn rồi Giác Giới tiếp tục tu. Qua đến thời Quốc gia ông nhằm tuổi quân dịch, bị bắt đưa qua Hà Tiên. Qua đó Giác Giới vẫn không chịu lột y, bọn nó giam vào khám, ông xếp chân ngồi riết tê căng chịu không nổi phải chấp nhận đi lính. Lúc đi tu Giác Giới đã từng xả y đi học Anh văn, thành ra bọn nó kêu ông làm thông dịch viên cho Mỹ, thuộc sư đoàn 25. Sau đi hành quân bị giựt mìn nổ tung xe Jeep, Giác Giới văng ra ngoài chết tại chỗ.

- Năm đó chắc ông còn trẻ?
- Dạ, năm Mùa Hè đỏ lửa (1972).
- Vậy Giác Giới có kể bị Năm Lửa bắt như thế nào không?
- Có, kể là kêu lột y hết rồi vào.
- Có làm gì không?
- Có, làm lao công mỗi ngày.
- Có đánh đập gì không?
- Đánh đập thì không. Khi về mặc quần đùi, không có y bát.
- Cụ Tôn kể là mặc đồ bà Ba.
- Chắc vậy, chỉ nhớ rõ là không còn y bát.

Lúc này giọng nói của bác đã bắt đầu hào khoáng, khi cười cũng bị hụt hơi, nên bác tóm lược lại buổi nói chuyện với tôi trước khi nghỉ:

– Tôn sư nói Đạo Phật Thích-ca sắp chấm dứt rồi, nó lóe sáng lần cuối ở xứ Việt Nam này, như chiếc máy bay sắp dứt tiếng thì nó hú lớn lên rồi dứt, hay như cái đèn gần tắt thì nháng lên lần cuối rồi tắt... Nhiệm vụ của ngài là mở đạo trong bảy năm thôi.

Ngài nói một bề như vậy, nhưng bề khác có lúc ngài nói: “Biết đâu Phật tử lo hộ trì chánh pháp mà đạo Phật trở lại lâu dài? Tăng, Ni của tôi sau này đi vàng trời từ Nam chí Bắc, rồi sẽ lan tỏa tới tận các nước.”

Tóm lại trò đã nắm rõ rồi, giáo lý của Tôn sư Minh Đăng Quang là thật hành theo chánh pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni. Bởi vì nhân sự hành đạo không nổi mới chế biến cách này cách khác, rồi trên cái biến chế đó lại dùng lời lẽ để bảo thủ. Mấy món tiểu thực, tịnh tài, tịnh vật... là không có trong luật xuất gia của Phật, tại vì muốn xài mà chế ra. Tôn sư dạy rằng cái nào mình làm là **đạo của mình** chứ không phải đạo của Phật, còn hễ mình chạy theo thời cuộc thì đó lại là **đạo của thời cuộc**!

Nên Tôn sư hành đạo nghiêm khắc về Giới định huệ – Thân khẩu ý để đạt đến Thánh quả là mục đích chính. Còn cư sĩ tín đồ thì ngài nói là chung chứ không có thân riêng. Cư sĩ tín đồ là lớp thiện giới còn ở trong cõi trời, người, chứ chưa ra Tam giới, cũng như các đạo giáo khác. Cho nên mục đích chính của ngài là hóa độ hàng xuất gia.

Thôi, trò ước mong cho sư tìm thấu cội nguồn để phổ biến cho tất cả. Minh đưa ra cũng sẽ có số người tìm hiểu làm theo chứ không phải là không có, đúng không sư?

Tôi trân trọng đáp lời nhà đạo tâm:

– A-di-đà Phật!

Nghe tin có quý sư đến nhà, khi nãy bác Chánh Phước cũng đã qua thăm. Có bạn qua, bác Trí Phước nhờ bạn tiếp tôi cho bác đi gọi xe. Lúc xe đến, hai bác hùn nhau mỗi người 50.000 gọi taxi ra Cần Thơ. Tôi rời khỏi nhà bác Trí Phước lúc trời bắt đầu nhá nhem, mọi người đều đang trở về tổ ấm của họ, mùi khói bếp lan tỏa trong xóm làng, ánh đèn điện trong mỗi nhà hắt ra ngõ, có tiếng người lớn bảo ban trẻ nhỏ, lại có tiếng côn trùng và ếch nhái bắt đầu râm ran khắp ruộng đồng... Chiếc xe chở tôi trôi lên hụp xuống theo những tấm bê-tông cao thấp không đều. Những tấm này lúc đầu được làm bằng nhau, nhưng qua những mùa mưa, đất bị sụt, chúng đã trở nên nguy hiểm cho những ai chưa quen đường. Từ nhà bác Trí Phước đến thành phố Cần Thơ chỉ khoảng 25 cây số nhưng qua tới ba tỉnh thành là Sóc Trăng – Hậu Giang – Cần Thơ. Với công việc đang làm của mình, rồi sẽ có ngày nơi nào ở miền Nam Bộ cũng có in dấu chân tôi cho xem!

Không hẹn mà nên, năm ngày sau tôi lại thu xếp đi Trà Ôn để qua phà tới Chợ Cái Côn ghé nhà bác Trí Phước. Lộ trình này bắt đầu từ Vĩnh Long đi xe buýt qua huyện Tam Bình tới Trà Ôn. Lần này tôi quay lại gặp bác Trí Phước để tặng một tấm hình cho bác vui và cũng để hỏi thăm về những người trong hình.

Hôm đó nhà bác Trí Phước có đám giỗ, nhưng tiếc là tôi không đến kịp, vì tới 11 giờ xe buýt mới rời Vĩnh Long và gần 2 giờ mới đến Trà Ôn. Trên đường, xe có chạy qua Tịnh xá Ngọc Hưng. Trời nóng nực, xe chật chội, cửa xe chỗ tài xế không mở được nên tài xế phải leo ra leo vào qua ô kính, tiếng lao nhao của khách, tiếng léo nhéo của cô phụ xe, nước mắt ở đâu đó ướt một góc y thương của tôi... nói chung là cảnh kham nhẫn có đầy trên chuyến xe này. Đến bến, tôi đi xe ôm vào chợ Trà Ôn rồi từ đây đón phà qua Cái Côn.

Chiếc phà tôi đi bề ngang khoảng 2m, bụng thấp, đầu cát cao để dễ dàng áp vào bờ sông hai bên. Sau khi rời khỏi Chợ Trà Ôn khoảng bảy, tám kilomet thì phà đi vào dòng sông Hậu Giang. Dòng sông rộng hơn 1km, sóng đánh sôi nổi, chiếc phà và mọi người cùng xe cộ trên phà đều trở nên quá nhỏ bé. Mỗi lần sóng đánh, phà lại ểnh bụng lắc đuôi, nước tung ướt giỏ xách của tôi. Sóng đánh ba, bốn bề, nước tạt ra một khoảng rộng như cái sân. Tôi chưa thấy nơi nào có sóng hỗn như ở đây. Lo xem phà có vào được bờ an ổn không, tôi quên bẵng việc lấy máy ra chụp vài tấm cho mọi người thấy cảnh nguy hiểm khi đi qua đoạn sông này.

Lúc phà vừa ra sông lớn, người thanh niên cầm lái đã giảm tốc độ và cố gắng lèo lái phà nương sóng dữ mà đi. Đến khi ra gần giữa dòng, phà tăng tốc mạnh hơn và lại chạy mạnh bình thường khi đã vào sông Cái Côn. Khi vào gần bờ chỗ Chợ Cái Côn thì phà bị tắt máy, nước đẩy trôi phà, mặc dù phụ lái đã cố

gắng thả neo xuống lòng sông. Sau hơn 10 phút vẫn không sửa máy được, tay lái phà đành điện thoại nhờ đò ra kèm phà vào bờ cho khách lên.

Lúc người cháu ngoại chở tôi từ chợ vào đến nhà, câu đầu tiên tôi nói với bác Trí Phước là: “Nếu biết đường sông này nguy hiểm như thế sư đã không đi.”. Bác cười xuề xòa nói tại tôi chưa quen... Tôi thấy dân ở đây đã quá coi thường tính mạng của mình. Trước thiên nhiên, con người bé xiu như con kiến, đối đầu với nó chỉ thiệt mình. Như khi nãy sông rộng sóng lớn, bơi vào bờ đâu dễ! Lại thêm một ông sư y áo lùm thùm, hai, ba giỏ xách bên tay, máy móc điện tử đâu có thích chơi với hà bá... tính đường nào mình cũng từ thua đến bại cả, phải không?



Hình này tôi rửa lớn 25 x 35, ép lụa, bỏ khung trang trọng, rồi tặng bác Trí Phước một tấm. Trong hình, bác Trí Phước đứng kế bên ba chú huệ, ngay cây dừa bên trái.

Tôi đưa tấm hình ra tặng bác, cả nhà xúm lại xem hình ông ngoại ngày xưa. Trông bác có vẻ xúc động lắm khi thấy lại hình mình đứng trong Tăng đoàn. Tôi biết vậy nên chưa hỏi gì vội. Một lát sau, tôi hỏi bác về tên của những vị đứng trong hình, còn hàng quỳ và hàng ngồi thì tôi đã biết. Theo ghi chú của Hàn Ôn, tôi nói hình này chụp tại Tòa Thánh Tây Ninh, bác Trí Phước chính ngay rằng hình này chụp tại Ngọc Viên chứ đâu. Và để chứng minh cho tôi thấy sự gắn bó sâu sắc của bác với Ngọc Viên, bác liền đọc một bài thơ:

Nhớ Lại Ngọc Viên

Bốn tháng vừa qua vắng Ngọc Viên
Du hành lục tỉnh đến Hà Tiên
Mang y hái quả bay cùng xứ
Quảy bát gieo nhơn đạo khắp miền,
Thức tỉnh phá mê người tánh ác
Khuyên lon gọi sáng kẻ tâm hiền...
Hôm nay đáo lại về nơi gốc
Là chỗ quê thầy ở Ngọc Viên!

Bài thất ngôn bát cú giản dị mà hay thật. Nhận định hình này chụp tại Ngọc Viên cũng là ý kiến chung của hòa thượng Giác Tường và hòa thượng

Giác Giới. Ngôi nhà lá trong hình chính là giảng đường năm xưa ở Tịnh xá Ngọc Viên, bác Trí Phước và quý hòa thượng đâu có quên được cảnh ấy. Không hiểu sao Hàn Ôn có thể chú thích hình này chụp tại Tòa Thánh Tây Ninh?

Hơn một tiếng sau tôi lại ra đi. Lần này tôi đi xe ôm ra nhà xe Phương Trang ở Cần Thơ. Trên xe, tôi hỏi thăm về khúc sông cái chỗ ngọn sông Cái Côn đổ ra. Bác tài xé cho biết rằng năm nào chỗ đó cũng có tai nạn và sóng cỡ bây giờ là còn ít hơn các tháng khác. Đặc điểm sóng ở đó là sóng một mẹ hai con, cứ một sóng lớn phủ tới thì có thêm hai sóng nhỏ đánh kèm sau. Tôi đặt vấn đề rằng nó đã nguy hiểm như vậy sao mọi người cứ đi ngang khúc sông đó làm gì? Điều này bác tài xé cũng chẳng biết sao nữa, cuộc sông có những điều bất cập như vậy đây!
